

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2019/HS-PT
Ngày 15-5-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Văn Triền.

Các Thẩm phán:

+ Ông Nguyễn Văn Bình;

+ Bà Nguyễn Thanh Minh Châu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Phương Yến, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Việt - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 56/2019/TLPT-HS ngày 19 tháng 4 năm 2019 đối với bị cáo Võ Thị T, do có kháng cáo của bị cáo và bị hại đối với Bản án Hình sự sơ thẩm số: 14/2018/HS-ST ngày 06 tháng 3 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh.

Bị cáo có kháng cáo:

Võ Thị T, sinh năm 1981, tại tỉnh Tây Ninh; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Ấp T1, xã T2, thành phố T3, tỉnh Tây Ninh; nơi cư trú: Ấp K, xã K1, thành phố K3, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Cao Đài; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ V và bà Nguyễn H; chồng là Lê A (đã ly hôn) và 01 con, 12 năm tuổi; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự lần nào và chưa bị xử phạt vi phạm hành chính lần nào; bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 07-11-2018; có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1975; cư trú tại: Ấp B1, xã B2, huyện B, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Anh Phan P, sinh năm 1993; cư trú tại: Ấp B1, xã B2, huyện B, tỉnh Tây Ninh; Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do trước đây vợ chồng bà Nguyễn Thị B, ông Phan D và Võ Thị T cùng làm công nhân tại Công ty Grande Ân Độ thuộc ấp K, xã K1, thành phố K3, tỉnh Tây Ninh nên có quen biết nhau.

Vào khoảng 18 giờ 30 phút ngày 25-8-2018, ông D đem điện thoại di động của T nhờ sửa giùm lại đưa cho T tại nhà trọ thuộc ấp K, xã K1, thành phố K3, tỉnh Tây Ninh và ngồi chơi tại đây.

Đến khoảng 19 giờ 30 phút cùng ngày, do nghi ngờ ông D và T có tình cảm với nhau nên bà B kêu người con tên Phan M, sinh năm 2003 chở đến nhà trọ của T.

Khi đến nơi, bà B bước vào cửa nhà trọ thấy ông D và T đang nói chuyện với nhau, bà B nói: “Hai người tình tứ quá hén, mày đừng có chối nữa, mày với chồng tao” và hai bên xảy ra cự cãi, sau đó bà B và M chạy xe về.

Khoảng 15 phút sau, trên đường về bà B kêu M chạy xe quay lại nhà trọ của T, đến nơi M ngồi trên xe ở ngoài đường, còn bà B bước vào nhà trọ, trên đầu còn đội mũ bảo hiểm tiếp tục dùng lời lẽ thô tục chửi T “đồ giết chồng tao” và đòi đi thưa, nên hai bên xảy ra xô xát nhưng không có thương tích; ông D can ngăn và sau đó chạy xe về nhà.

Lúc này hai bên tiếp tục cự cãi, do nóng giận và bực tức nên T cầm dao cán nhựa màu xanh – trắng, lưỡi dao kim loại dài 17,5 cm (không có mũi nhọn) đuổi theo bà B; bà B chạy từ nhà trọ qua bên kia đường nhựa đến xưởng sản xuất nước đá thì T đuổi kịp; lúc này tay phải của T nắm cổ áo của bà B, tay trái cầm dao quơ từ trái sang phải trúng vào phần trán của bà B gây thương tích; do thấy máu trên trán của bà B chảy nhiều nên T bỏ đi về nhà trọ, còn bà B được M đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện Đa khoa Lê Ngọc Tùng và điều trị từ ngày 25-8-2018 đến ngày 28-8-2018 thì xuất viện.

Ngày 30-8-2018, bà B có đơn gửi đến Công an thành phố Tây Ninh yêu cầu xử lý hình sự đối với T.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 193/2018/TgT ngày 27-9-2018 của Trung tâm Pháp y thuộc Sở Y tế tỉnh Tây Ninh kết luận: 01 vết sẹo vùng trán bên phải, kích thước 4 x 0,2 cm lành, xơ cứng ảnh hưởng thẩm mỹ; căn cứ theo Thông tư số: 20/2014/TT-BYT ngày 12-6-2014, tỷ lệ tổn thương cơ thể của Nguyễn Thị B, sinh năm 1975 do thương tích gây nên hiện tại là 12%.

Tại Bản án Hình sự sơ thẩm số: 14/2019/HS-ST ngày 06-3-2019 của Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh đã quyết định:

Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Tuyên bố bị cáo Võ Thị T phạm tội “Cố ý gây thương tích”. Xử phạt bị cáo Võ Thị T 12 (mười hai) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt được tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào Điều 584, 585, 586, 590 của Bộ luật Dân sự. Buộc bị cáo phải bồi thường cho bà B là 20.966.000 đồng. Ghi nhận bị

cáo Võ Thị T đã bồi thường cho bị hại Nguyễn Thị B số tiền 10.000.000 đồng; bị cáo còn phải tiếp tục bồi thường 10.966.000 đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất do chậm thi hành án; xử lý vật chứng, án phí, quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án theo Luật Thi hành án dân sự.

Ngày 06-3-2019, bị cáo Võ Thị T có đơn kháng cáo, nội dung xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Ngày 20-3-2019, bị hại Nguyễn Thị B có đơn kháng cáo, nội dung xin tăng hình phạt đối với bị cáo, lý do bị cáo có hành vi côn đồ, lỗi hoàn toàn thuộc về bị cáo đồng thời xin tăng khoản tiền tổn thất tinh thần lên 30 tháng lương cơ sở.

Tại phiên tòa, bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo; bị hại rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh đề nghị: Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị cáo; chấp nhận việc rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bị hại đồng thời đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo đã rút; sửa bản án sơ thẩm theo hướng giảm cho bị cáo còn lại mức án 09 tháng tù.

Bị cáo không tranh luận.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Xin Hội đồng xét xử xem xét hoàn cảnh gia đình của bị cáo neo đơn, chồng đã ly hôn, con còn nhỏ mới 12 tuổi, con sống chung nhà trọ với bị cáo, bị cáo đang đi làm công nhân, mức lương thấp nhưng phải thuê nhà trọ sống, thời gian qua phải vay tiền của Công ty để bồi thường xong cho bị hại, nếu đi chấp hành án sẽ mất việc làm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

1.1. Xét các hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng và cơ quan tiến hành tố tụng của Tòa án cấp sơ thẩm đều hợp pháp. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo xác định trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử vụ án tại cấp sơ thẩm, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng và cơ quan tiến hành tố tụng của cấp sơ thẩm.

1.2. Tại phiên tòa, bị hại đã rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 342 của Bộ luật Tố tụng hình sự chấp nhận việc rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bị hại đồng thời đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo đã rút.

[2] *Về tội danh và điều luật áp dụng:* Ngày 25-8-2018, do tức giận bị hại dùng lời lẽ thô tục xúc phạm đến mình nên Võ Thị T có dùng dao, lưỡi kim loại dài 17,5 cm, là hung khí nguy hiểm gây thương tích tại vùng trán (bên phải) của bị hại Thảo, với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 12%. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Võ Thị T về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

[3] Về tính chất vụ án, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

3.1. Vụ án mang tính chất nghiêm trọng, hành vi phạm tội của của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, có sử dụng hung khí nguy hiểm để gây án; đã xâm phạm đến sức khỏe của người khác đồng thời gây mất trật tự trị an xã hội.

3.2. Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

3.3. Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong giai đoạn xét xử sơ thẩm, bị cáo T đã thành khẩn khai báo; ăn năn hối cải; tự nguyện bồi thường một phần thiệt hại; bị hại có một phần lỗi; đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[4] Xét yêu cầu kháng cáo của bị cáo về phần hình phạt:

4.1. Do bị cáo có hai tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, không có tình tiết tăng nặng nên Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo một năm tù dưới mức thấp nhất của khung hình phạt mà điều luật quy định là tương xứng với mức độ phạm tội của bị cáo gây ra.

4.2. Xét yêu cầu kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo là không đủ điều kiện theo quy định tại khoản 5 Điều 2 Nghị quyết số: 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15-5-2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo nên không được chấp nhận.

4.3. Trong giai đoạn xét xử phúc thẩm, bị cáo đã nộp 12.966.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh để bồi thường cho bị hại và thi hành phần án phí hình sự sơ thẩm, điều này thể hiện sự ăn năn hối cải của bị cáo; đây là tình tiết giảm nhẹ mới, nên có cơ sở chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo.

[5] Từ những phân tích nêu trên, chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị cáo; chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên; sửa bản án sơ thẩm.

[6] Về án phí: Theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm d khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu tiền án phí hình sự phúc thẩm.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

[8] Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm về cách ghi mức hình phạt cho đúng theo yêu cầu chung (theo hướng dẫn của Tòa án nhân dân tối cao thì phải ghi đúng là 01 năm tù mà không ghi là 12 tháng tù).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào Điều 342; điểm b khoản 1 Điều 355 và Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

2. Chấp nhận việc rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bị hại đồng thời đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bị hại đã rút.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị cáo Võ Thị T.

4. Sửa Bản án Hình sự sơ thẩm số: 14/2019/HS-ST ngày 06 tháng 3 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

5. Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Bị cáo Võ Thị T 09 (chín) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”; thời hạn chấp hành hình phạt được tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án

6. Ghi nhận trong giai đoạn xét xử phúc thẩm, bị cáo đã nộp số tiền bồi thường phần còn lại cho bị hại là 10.966.000 đồng, theo Biên lai thu số: 0000722 ngày 09-5-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh.

7. Về án phí hình sự phúc thẩm:

7.1. Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm d khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo không phải chịu tiền án phí hình sự phúc thẩm.

7.2. Ghi nhận trong giai đoạn xét xử phúc thẩm, bị cáo đã nộp số tiền 2.000.000 đồng, theo Biên lai thu số: 0000721 ngày 09-5-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh; số tiền này được khấu trừ vào số tiền 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm; số tiền còn lại là 1.800.000 đồng, Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh hoàn trả lại cho bị cáo.

8. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

9. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT 1 (TANDTC);
- VKSND. TTN;
- TAND. TPTN;
- Công an TPTN;
- Chi cục THADS. TPTN;
- Phòng lý lịch STP. TTN;
- Phòng KTNV. TATTN;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án HSPT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Mai Văn Triển

